

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **295/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 08 - 07 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ X, ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết G, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ X, ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông T, bà G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết G là do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 15 tháng 3 năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.

Theo ông T, bà G đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông T ở lại nhà chăm lo cha mẹ già và con nhỏ. Tình cảm 2 người ngày càng lạnh nhạt, bà G bỏ mặc gia đình, không gửi tiền về và cũng không về chăm lo con cái.

Khi mẹ ông T bệnh, gia đình có kêu bà G trở về nhưng bà G không trở về. Hai người đã ly thân từ tháng 4 năm 2019. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên ông T xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà G có 02 con chung, 1/ Phạm Minh T1, sinh ngày 03/08/2009; 2/ Phạm Minh T2, sinh ngày 03/08/2012. Các con chung đang sống với ông T. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung sau ly hôn và không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà G đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của bà G. Ông T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, ghi nhận ý kiến con chung:

Theo Biên bản xác minh ngày 11/05/2022 thì bà Nguyễn Thị Tuyết G có đăng ký hộ khẩu tại tổ X, ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Theo trình bày của bà Phạm Thị B, từ năm 2019 bà G đi làm công nhân, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Khi mẹ ông T bệnh, gia đình có họp lại kêu bà G về vì ông T là con trai út. Bà G hứa nhưng không trở về.

Theo các biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên cùng ngày 09/3/2022, cả cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng sống với ông T sau khi ông T và bà G ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông T; lời khai cháu T1, cháu T2; các biên bản xác minh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. T2 hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của ông T; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông T và bà G đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của ông T, G cả 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn T khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết G và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết G có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã T2 hành tổng đạt hợp lệ T1 báo thụ lý, T1 báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà G vắng mặt không lý do; ông T có đơn yêu cầu không T2 hành hòa giải; yêu cầu không tham gia phiên tòa. Do đó Tòa án căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, T2 hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông T, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa ông T và bà G là do bất đồng quan điểm sống và ảnh hưởng đời sống kinh tế gia đình. Bà G không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Ông T và bà G đã ly thân từ năm 2019. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án T2 hành giải quyết, bà G không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc ông T xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông T và bà G đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy các cháu Phạm Minh T1 và Phạm Minh T2 hiện đang được ông T nuôi dạy tốt. Các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông T sau khi ông T và bà G ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cả 02 cháu T1 và T2 cho ông T trực tiếp nuôi dạy sẽ ổn định việc học tập, tâm lý, sự phát triển bình thường của các cháu.

Công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nếu bà G có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, ông Phạm Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Tuyết G không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T,

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2012 cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Phạm Minh T1, sinh ngày 03/08/2009 và Phạm Minh T2, sinh ngày 03/08/2012.

Bà Nguyễn Thị Tuyết G không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Tuyết G và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Phạm Văn T. Ngược lại, ông T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà G.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006787 ngày 15/02/2022. (Ông T đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết G. Thời hạn kháng cáo của ông T, bà G là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND TT An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

